

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 424/2024/DS-PT

Ngày: 01-11-2024

Về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: ông Trần Văn Quán

ông Trần Trọng Nhân

- Thư ký phiên tòa: bà Ngô Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 393/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2024/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 416/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà Võ Thị P, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:** bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp B1, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp B1, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S là bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp 5, xã L1, huyện B, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 31/10/2024).

- **Người kháng cáo:** nguyên đơn, bà Võ Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị P trình bày:

Bà là hội viên do bà Nguyễn Thị T tổ chức. Do quen biết, nên bà cho bà T vay số tiền 15.000.000 đồng, không có lãi suất, thời hạn vay 02 tuần, việc vay tiền chỉ nói miệng, không làm giấy tờ. Bà đã đưa đủ cho bà T số tiền 15.000.000 đồng. Đến hạn, bà T chưa có khả năng trả nên nhờ bà đi vay tiền của người khác cho bà T vay lại. Bà T và bà thống nhất nếu vay 10.000.000 đồng thì tiền lãi 1.000.000 đồng/tháng. Ngày 10/4/2022, bà đã vay của người khác số tiền 15.000.000 đồng để bù vào khoản tiền của bà đã cho bà T vay trước đó.

Vào ngày 10 mỗi tháng, bà T đã đưa cho bà số tiền 1.500.000 đồng để bà trả lãi cho người mà bà đã đi vay. Bà đã nhận lãi 11 tháng (từ tháng 05/2022 đến tháng 03/2023), với số tiền là 16.500.000 đồng. Đến ngày 01/4/2023, bà T tuyên bố vỡ hụi và có trả thêm tiền lãi nhiều lần được tổng số tiền là 4.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi bà đã nhận của bà T là 20.500.000 đồng.

Việc bà đi vay tiền của người khác để cho bà T vay lại không liên quan đến vụ án này.

Nay, bà khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền gốc vay là 15.000.000 đồng và yêu cầu bà T trả lãi với mức lãi suất 20%/năm từ ngày 01/4/2023 đến ngày 14/8/2024 là 4.175.000 đồng và tiếp tục chịu lãi đến khi thanh toán xong khoản tiền vốn vay, chỉ đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã trả là 4.000.000 đồng.

Số tiền bà T vay là để lo xoay sở việc gia đình, nên bà P yêu cầu chồng của bà T là ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm liên đới trả nợ.

Theo đơn phản tố đề ngày 15/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 10/10/2021, bà có vay bà P số tiền 15.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1.500.000 đồng/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả, không lập giấy tờ gì. Từ tháng 11/2021 đến tháng 03/2023, bà đã trả lãi cho bà P 17 tháng, tổng số tiền lãi là 25.500.000 đồng. Từ ngày 01/4/2023, bà không còn khả năng trả lãi mỗi tháng 1.500.000 đồng, nên bà trả lãi từ từ cho bà P nhiều lần (không nhớ thời gian cụ thể, không nhớ bao nhiêu lần, không nhớ số tiền cụ thể từng lần trả) với tổng số tiền là 4.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi bà đã trả cho bà P là 29.500.000 đồng, không có biên nhận tiền lãi.

Bà xác định bà P là người cho vay và nhận tiền lãi của bà.

Do tiền lãi bà đã đóng cho bà P cao hơn mức quy định của pháp luật, nên bà phản tố yêu cầu được tính lại theo mức lãi suất là 20%/năm, cụ thể: số tiền lãi bà phải trả cho bà P từ ngày 10/10/2021 đến ngày 14/8/2024 là 8.500.000 đồng, trừ vào số tiền lãi đã đóng 29.500.000 đồng nên tiền lãi còn thừa là 21.000.000 đồng phải được khấu trừ vào số tiền gốc 15.000.000 đồng, nên bà P phải trả lại cho bà số tiền thừa là 6.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn S do bà Nguyễn Thị Trúc L đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Nguyễn Văn S là chồng của bà Nguyễn Thị T. Ông S không biết và không cùng sử dụng số tiền bà T vay của bà P nên không đồng ý liên đới trả nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2024/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An đã xử (tóm tắt):

“1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Võ Thị P số tiền vốn vay là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp số tiền lãi đã đóng đối với nguyên đơn bà Võ Thị P. Buộc bà Võ Thị P phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền lãi đã đóng vượt mức quy định của pháp luật là 18.942.253 đồng (mười tám triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi ba đồng).

3. Khấu trừ nghĩa vụ giữa bà Võ Thị P và bà Nguyễn Thị T, số tiền còn lại bà Võ Thị P phải trả cho bà Nguyễn Thị T là: 18.942.253 đồng - 15.000.000 đồng = 3.942.253 đồng (ba triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi ba đồng).

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị P về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị T trả nợ.

5. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu nguyên đơn bà Võ Thị P trả lại số tiền lãi đã đóng vượt mức quy định của pháp luật là 2.057.747 đồng (hai triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, bảy trăm bốn mươi bảy đồng)

6. Về án phí:

Nguyên đơn bà Võ Thị P được miễn án phí.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà Võ Thị P và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với một phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011877 ngày 04/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Đức. Bà T còn tiếp tục chịu 750.000 đồng.”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/8/2024, nguyên đơn, bà Võ Thị P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp số tiền lãi đã đóng và không chấp nhận trả cho bà T số tiền 3.942.253 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Võ Thị P trình bày: bà đã đi vay dùm con dâu của bà số tiền 15.000.000 đồng để đưa cho bà T. Nay, bà chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả lại cho bà số nợ gốc vay 15.000.000 đồng và không yêu cầu ông Nguyễn Văn S liên đới trả nợ.

Bà Nguyễn Thị T trình bày: nếu số tiền lãi bà đã đóng thừa sau khi trừ vào nợ gốc vẫn còn thì bà không yêu cầu bà P trả lại mà xem như giữa bà và bà P đã thanh toán xong, hai bên chấm dứt nghĩa vụ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bà Võ Thị P đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: bà P thừa nhận là người trực tiếp đưa tiền gốc vay 15.000.000 đồng cho bà T và nhận tiền lãi bà T đóng, nên đây là giao dịch vay tiền giữa bà P và bà T, không liên quan đến con dâu của bà P như bà P trình bày. Bà P thừa nhận đã nhận tiền lãi mỗi tháng 1.500.000 đồng, là vượt mức quy định của pháp luật, nên Tòa án cấp sơ thẩm khấu trừ tiền lãi trả thừa vào nợ gốc là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T xác định nếu tiền lãi sau khi trừ nợ gốc vẫn còn thừa thì không yêu cầu bà P phải trả lại, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bà T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bà Võ Thị P thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Bà T giữ nguyên yêu cầu phản tố. Các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Việc xét xử vắng mặt các đương sự: ông Nguyễn Văn S vắng mặt, nhưng có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Trúc L có mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và xác định quan hệ tranh

chấp có căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: bà Võ Thị P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp số tiền lãi đã đóng; không chấp nhận trả cho bà T số tiền 3.942.253 đồng. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung này của bản án sơ thẩm và phần nội dung có liên quan đến kháng cáo.

[5] Về việc áp dụng pháp luật về nội dung: giao dịch vay tiền đang có tranh chấp, theo nguyên đơn, được xác lập vào năm 2022; theo bị đơn, được xác lập vào năm 2021. Do đó, Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật có liên quan được áp dụng khi giải quyết vụ án.

[6] Hồ sơ vụ án thể hiện các tình tiết, sự kiện sau đây không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: bà Nguyễn Thị T thừa nhận có vay của bà Võ Thị P số tiền gốc là 15.000.000 đồng; bà P, bà T thỏa thuận tiền lãi hàng tháng là 1.500.000 đồng; từ tháng 04/2023 bà T đã trả lãi nhiều lần cho bà P tổng cộng được 4.000.000 đồng.

[5] Xét kháng cáo của bà Võ Thị P, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[5.1] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các bên đương sự không thống nhất về thời gian đóng lãi và tổng số tiền lãi đã giao nhận. Bà P chỉ thừa nhận có nhận tiền lãi tổng cộng 20.500.000 đồng, trong đó từ tháng 05/2022 đến tháng 03/2023, bà T đã trả lãi mỗi tháng 1.500.000 đồng. Trong khi đó, bà T cho rằng đã trả lãi cho bà P tổng cộng 29.500.000 đồng, trong đó từ tháng 11/2021 đến tháng 03/2023, mỗi tháng 1.500.000 đồng. Xét thấy, bà T không chứng minh được đã đóng lãi bắt đầu từ tháng 11/2021, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định tổng số tiền lãi bà T đã trả cho bà P và được bà P thừa nhận là 20.500.000 đồng, thời gian bắt đầu trả lãi từ tháng 5/2022, là có căn cứ theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5.2] Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: “...*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác... Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực*”. Việc bà P và bà T thỏa thuận tiền lãi 1.500.000 đồng/tháng, tương đương lãi suất 10%/tháng, tức 120%/năm là vượt quá mức lãi suất pháp luật quy định. Căn cứ Điều 9 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, quy định: “...*số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi; số tiền lãi đã trả vượt quá còn lại sau khi đã trừ hết nợ gốc thì được trả lại cho bên vay*”. Do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bà T về việc điều

chính lãi suất cho vay còn 20%/năm và khấu trừ tiền lãi đã trả thừa vào số nợ gốc, buộc bà P phải trả lại cho bà T số tiền lãi nhận thừa 3.942.253 đồng, là đúng pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà P về tiền lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà T xác định nếu tiền lãi đã trả thừa sau khi căn trừ vào nợ gốc mà vẫn còn, thì bà không yêu cầu bà P phải trả lại. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà T, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên được chấp nhận, sửa một phần bản án sơ thẩm và án phí có liên quan.

[6] Ngoài ra, trong vụ án này, yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận đã dẫn đến loại trừ việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo điểm b khoản 2 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác một phần yêu cầu phản tố của bị đơn đối với số tiền lãi không được chấp nhận, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn và tính án phí trên số tiền mỗi bên đương sự yêu cầu được chấp nhận, là không đúng. Do đó, cần sửa phần này của bản án sơ thẩm.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Võ Thị P được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị P.

3. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2024/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T, về yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị T trả lại số tiền gốc đã vay là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị P về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị T trả nợ.

6. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp số tiền lãi đã trả đối với nguyên đơn bà Võ Thị P. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T không yêu cầu bà Võ Thị P phải trả số tiền lãi đã trả vượt quá còn lại sau khi trừ hết nợ gốc là 3.942.253 đồng (ba triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi ba đồng).

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Võ Thị P được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị T không phải chịu và được hoàn trả số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011877 ngày 04/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

8. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Võ Thị P được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

9. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Đức;
- Chi cục THADS huyện Cần Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

